

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 thành phố Thủ Dầu Một

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/11/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích đất trồng lúa trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 870/TTr-STNMT ngày 26/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Thủ Dầu Một với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Diện tích phân bổ các loại đất trong năm 2019 (Đính kèm phụ lục 1).

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2019:

a) Diện tích thu hồi đất năm 2019 (Đính kèm phụ lục 2).

b) Danh mục công trình thu hồi đất năm 2019 (Đính kèm phụ lục 2a).

c) Vị trí các khu thu hồi đất được xác định theo bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Thủ Dầu Một tỷ lệ 1/10.000 và Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Thủ Dầu Một.

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019:

a) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (Đính kèm phụ lục 3).

b) Danh mục công trình chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 (Đính kèm phụ lục 3a).

c) Vị trí các khu đất chuyển mục đích sử dụng đất được xác định theo bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Thủ Dầu Một tỷ lệ 1/10.000 và Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Thủ Dầu Một.



Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

2. Thực hiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất, cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thẩm quyền theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

3. Tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu lực về tổ chức, quản lý nhà nước về đất đai; quy định cụ thể trách nhiệm của từng ngành trong tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất; giám sát môi trường trong quá trình triển khai kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo cho sử dụng đất bền vững; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ hàng quý, 06 tháng.

4. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành để bố trí vốn đầu tư nhằm đảm bảo tiến độ xây dựng các dự án, công trình đã được xác định trong kế hoạch sử dụng đất. Chủ động đôn đốc các chủ đầu tư, các cơ quan quản lý Nhà nước trên địa bàn tập trung thực hiện các công trình, dự án đã được phê duyệt. Tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của những năm trước.

5. Đối với những khu phân lô tự phát tồn tại nhiều năm trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tập trung rà soát và đề xuất giải quyết đảm bảo theo quy định.

6. Tổ chức thực hiện các giải pháp thu hút đầu tư và huy động vốn bằng nhiều hình thức phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một; Thủ trưởng các ban ngành, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh./.

Nơi nhận: ✓

- TT, TU, TT, HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- UBND TP. Thủ Dầu Một;
- Website tỉnh;
- LĐVP, CV, Tn, TH;
- Lưu: VT. 18



Mai Hùng Dũng

Phụ lục 10. Hệ thống phân loại đất năm 2019 thành phố Thủ Dầu Một
(Kèm theo Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 28 / 12 /2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính													
				Thành phố Thủ Dầu Một	Thị trấn Thủ Đức	Thị trấn Hòa	Hiệp An	Hiệp Thành	Hòa Phú	Phú Cường	Phú Hòa	Phú Lợi	Phú Mỹ	Phú Tân	Phú Thọ	Tân An	Tương Bình Hiệp
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(18)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	Tổng diện tích		167,19	6,11	15,94	5,95	8,88	1,22	22,31	25,07	18,81	7,76	17,56	-	0,16	12,60	24,82
1	Đất nông nghiệp	NNP	125,76	5,28	14,44	5,95	6,08	0,82	22,31	-	15,42	6,76	15,76	-	0,08	11,05	21,81
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,65								0,65						
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	125,11	5,28	14,44	5,95	6,08	0,82	22,31	-	14,77	6,76	15,76	-	0,08	11,05	21,81
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	41,43	0,83	1,50	-	2,80	0,40	-	25,07	3,39	1,00	1,80	-	0,08	1,55	3,01
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,00									1,00					
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,48					0,40							0,08		
2.3	Đất ở tại đô thị	ODT	39,33	0,78	1,50		2,80			24,50	3,39		1,80			1,55	3,01
2.4	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,55	0,05						0,50							
2.5	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,07							0,07							

Phụ lục 2a: Danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất trong năm 2019 thành phố Thủ Dầu Một
(Kèm theo Quyết định số: 3845/QĐ-UBND ngày 28 / 12 /2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích	Hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm	
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất	Số thửa đất, tờ bản đồ	Phường
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh							
1	Công an TP Thủ Dầu Một	CAN	3,35		3,35	CLN		Định Hòa
2	Công an phường Chánh Mỹ	CAN	0,05		0,05	TSC	Thửa đất số 71, 72, tờ bản đồ số 47	Chánh Mỹ
3	Công an phường Hòa Phú	CAN	0,2		0,2	TMD	Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 43	Hòa Phú
4	Công an phường Phú Tân	CAN	0,2		0,2	ODT, TMD	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 44	Phú Tân
5	Công an tỉnh Bình Dương	CAN	0,41		0,41		Thửa đất số 51, 52, 53, tờ bản đồ số 16	Chánh Nghĩa
6	Đồn Công an KCN Kim Huy	CAN	0,15		0,15			Phú Tân
II	Đất Khu công nghiệp							
1	Khu công nghiệp Đồng An 2 mở rộng	SKK	52		52			Hòa Phú
III	Danh mục công trình, dự án thông qua HĐND tỉnh							
a	Công trình chuyển tiếp							
1	Đường theo QH phân khu là N3	DGT	1,50		1,50	CLN, ODT	Từ Huỳnh Văn Cù - ranh DA KĐT ST Chánh Mỹ	Chánh Mỹ
2	Mở rộng đường đê bao dọc rạch Bà Cô (phân khu là N8)	DGT	2,12		2,12	CLN, ODT		Chánh Mỹ
3	Mở rộng đường từ KDC Chánh Nghĩa - CMT8	DGT	0,34		0,34	CLN, ODT	Từ KDC Chánh Nghĩa - CMT8	Chánh Nghĩa
4	Mở mới và thu hồi đất vùng phụ cận đường Tạo lực 6 nối dài	DGT	4,48		4,48	CLN, ODT	Từ ĐLBD - nút giao Phan Đăng Lưu và Huỳnh Thị Châu	Hiệp An
5	Xây dựng vỉa hè, cây xanh, hệ thống chiếu sáng, thoát nước đường Huỳnh Văn Lũy	DGT	2,10		2,10	CLN, ODT	Từ Trần Ngọc Lên - vòng xoay	Phú Mỹ
6	Đường trục chính Đông Tây	DGT	5,00		5,00	CLN, ODT		Tân An
7	Mở rộng và thu hồi đất vùng phụ cận đường ĐX-144	DGT	14,16		14,16	CLN, ODT		Tương Bình Hiệp
8	Nâng cấp, mở rộng nút giao ngã ba Nguyễn Tri Phương - Bùi Quốc Khánh	DGT	0,60		0,60	CLN	Công trình dạng tuyến	Chánh Nghĩa
9	Đường Nguyễn Văn Lộng	DGT	1,66		1,66	CLN, ODT	Từ Đại lộ Bình Dương - Huỳnh Văn Cù	Chánh Mỹ
10	Mở rộng đường Trần Văn Ôn	DGT	0,92		0,20	CLN, ODT	Từ đường Phú Lợi đến Đại lộ Bình Dương	Phú Hòa

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích	Hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm	
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất	Số thửa đất, tờ bản đồ	Phường
11	Đường 30/4-Trần Văn Ôn (đường N8)	DGT	0,43		0,31	CLN, ODT	Đường 30/4 - Trần Văn Ôn (KP6 Phú Hòa)	Phú Hòa
12	Mở rộng đường Liên khu 1, 2, 3	DGT	0,02		0,02	ODT		Phú Cường
13	Nâng cấp, mở rộng đường Liên khu 6, 7, 8, 9 phường Phú Hòa (đường N10)	DGT	2,07		2,07	CLN, ODT		Phú Hòa
14	Các trục giao thông chính thuộc Quy hoạch các bệnh viện và một số công trình nhà nước	DGT	2,00		2,00	CLN		Định Hòa
15	Công trình Đường dây 110kV 02 mạch từ TBA 220kV Bình Hòa đến TBA 110KV Gò Đậu.	DNL	0,20		0,20	CLN		Phú Hòa
16	Công trình Trạm biến áp 110kV Định Hòa và đường dây đấu nối	DNL	0,60		0,60	CLN		Định Hòa
17	Nhà văn hóa phường Chánh Mỹ	DVH	1,00		1,00	DTT		Chánh Mỹ
18	Trường THCS Phú Hòa 2	DGD	3,24		0,65	HNK, CLN	Tờ bản đồ số 58, 59	Phú Hòa
19	Trường tiểu học Phú Lợi 2	DGD	1,00		1,00	SKC	Thửa đất số 289, Tờ bản đồ số 32-2	Phú Lợi
20	điểm đô thị TOD dọc tuyến đường Mỹ Phước Tân Vạn-Điểm 1	ODT	1,52		1,52	CLN		Phú Lợi
21	Khu tái định cư KCN Đồng An 2	ODT	25,00		25,00	CLN, ODT		Hòa Phú
22	Khu tái định cư Phú Mỹ (khu 1)	ODT	5,62		5,62	CLN	Tờ bản đồ số 13-1 giáp Đình Phú Hữu	Phú Mỹ
23	Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ	ODT	14,03		14,03	CLN, ODT	Nằm xen kẽ trong dự án	Chánh Mỹ
24	Khu nhà ở xã hội Hiệp Phát 2	ODT	0,82		0,82	CLN	Thửa đất số 02(136), 02(137), tờ bản đồ số 07; Thửa đất số 108, tờ bản đồ số 02	Hiệp Thành
25	Khu đô thị mới Chánh Nghĩa	ODT	13,50		13,50	CLN, SKC, ODT	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 20, 40, 58	Chánh Nghĩa
26	Khu dân cư Phú Thuận	ODT	18,34	13	5,34	CLN		Phú Lợi
27	Mở rộng Trụ sở UBND phường Phú Thọ	TSC	0,08		0,08	DGD		Phú Thọ
29	Công viên Phú Cường (DA TDM TK 21 cũ)	DKV	24,48		24,48	ODT		Phú Cường

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích	Hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm	
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất	Số thửa đất, tờ bản đồ	Phường
30	Xây dựng công viên giao lộ CMT8-Ngô Quyền	DKV	0,50		0,50	TSC	Thửa đất số 411, 2032, 1080, 967, 1058; 975, 974, 973, 972, 1342, 174, 141, 1139, 144, 141, tờ bản đồ số 133, 131	Phú Cường
31	Hoa viên KV Mũi Tàu (CMT 8 - Đại lộ Bình Dương)	DKV	0,4		0,4	CAN, ODT, DGD		Hiệp Thành
32	Xây dựng nhà vệ sinh công cộng	DHT	0,07		0,07	DKV	Tờ bản đồ số 34	Phú Cường
b	Công trình đăng ký mới							
1	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến đường Đồng Cây Viết (đường liên ấp 1-5 phường Phú Mỹ)	DGT	5,93		5,93	CLN		Phú Mỹ
2	Nâng cấp mở rộng đường Bùi Ngọc Thu	DGT	3,20		3,20	CLN, ODT	Từ ĐLBD đến Nguyễn Chí Thanh và Hồ Văn Cống	Hiệp An, Tương Bình Hiệp
3	Đường Lê Chí Dân	DGT	12,10		12,10	CLN, ODT		Tân An, Tương Bình Hiệp
4	Xây dựng đường N6 (đầu tuyến giáp đường Trần Văn On, cuối tuyến giáp Lê Hồng Phong)	DGT	12,27		12,27	CLN, ODT		Phước Hòa
5	Nâng cấp mở rộng đường D13 (từ đường 30/4 đến đường Lê Hồng Phong)	DGT	0,68		0,68	CLN		Phú Thọ
6	Mở mới đường phân khu D13 (từ Phạm Ngọc Thạch đến đường N13)	DGT	1,61		1,61	CLN		Phú Mỹ
7	Xây dựng đường phân khu D9 (từ đường 30/4 đến đường Lê Hồng Phong)	DGT	0,99		0,99	CLN		Phú Thọ
8	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư phường P	DHT	0,50		0,50	CLN		Phú Mỹ
9	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương	TSC	0,63		0,63	ODT	Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 96	Hòa Phú

Phụ lục 3: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 thành phố Thủ Dầu Một
(Kèm theo Quyết định của UBND ngày 28 / 12 /2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính													
				Chánh Mỹ	Thành Nghĩa	Định Hòa	Hiệp An	Hiệp Thành	Hòa Phú	Phú Cường	Phú Hòa	Phú Lợi	Phú Mỹ	Phú Tân	Phú Thọ	Tân An	Tương Bình Hiệp
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(18)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	Tổng		251,5	2,9	1,6	3,6	2,6	4,3	0,0	0,5	5,6	3,4	10,2	0,1	3,1	3,3	27,9
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	68,8	2,9	1,6	3,6	2,6	4,3	0,0	0,5	5,6	3,4	10,2	0,1	3,1	3,3	27,9
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	-														
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	-														
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	-														
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	68,8	2,9	1,6	3,6	2,6	4,3		0,5	5,6	3,4	10,2	0,1	3,1	3,3	27,9
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-														
3	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		182,68	0,05	0,10	0,05	47,23	0,10	0,20	0,20	0,70	16,34	5,03	107,10	5,48	0,05	0,05

Phụ lục 3a: Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2019 thành phố Thủ Dầu Một
(Kèm theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 28 / 12 /2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Mã dự án	Tăng thêm		Địa điểm		Pháp lý		
			Diện tích	Sử dụng vào loại đất	Số thửa đất, tờ bản đồ	Phường			
I Công trình chuyển tiếp									
1	Khu nhà ở thương mại dịch vụ Phú Mỹ của Công ty Cổ phần Lâm sản và Xuất nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương	ODT	9,85	9,85	CLN, SKC	Phú Mỹ	Văn bản số 5404/UBND-KTN ngày 28/11/2017 của UBND tỉnh		
2	Khu đất thu hồi của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương	ODT	0,70	0,70	SKC	Phú Lợi	Kế hoạch 2018		
3	Công ty TNHH Charm & CI Việt Nam	ODT	0,30	0,30	CLN	Phú Thọ	Kế hoạch 2018		
4	Khu nhà ở thương mại dịch vụ SaBinCo - Tương Bình Hiệp của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Bình Dương	ODT	18,00	18,00	CLN	Tương Bình Hiệp	Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh		
5	Chung cư Phú Lợi của Công ty Cổ phần Lâm sản và Xuất nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương	ODT	0,44	0,44	SKC	Phú Lợi	Văn bản số 1086/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của UBND tỉnh		
6	Khu nhà ở thương mại Thanh Lễ của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ -CTCP	ODT	5,05	5,05	SKC	Phú Thọ	Văn bản số 2152/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh		
7	Khu Dịch vụ - Kho bãi An Bình	TMD	15,00	15,00	SKC	Phú Lợi	Kế hoạch 2018		
8	Khu nhà ở thương mại Hoàng Nam 2 Công ty TNHH Dịch vụ bất động sản và Xây dựng Hoàng Nam	ODT	0,97	0,97	CLN	Phú Hòa	Văn bản số 4156/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của UBND tỉnh		
9	Khu nhà ở Suối Giữa của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Á Châu	ODT	30,63	21,33	9,3	CLN	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 21, 23 và các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 13-2, 14	Chánh Mỹ, Tương Bình Hiệp	Văn bản số 3845/UBND-KTN ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh
10	Kho chứa hàng của Doanh nghiệp tư nhân Bích Thủy	ODT, TMD	0,16	0,16	ODT, CLN	Phú Thọ	Thửa đất số 126, tờ bản đồ số 23	Văn bản số 4608/UBND-KTN ngày 28/9/2018 của UBND tỉnh	
II Công trình đăng ký mới									
1	Nhà trưng bày, buôn bán và sửa chữa ô tô của Công ty TNHH Hyundai Bình Dương	TMD	0,3	0,3	SKC	Phú Mỹ	Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND tỉnh		
2	Dự án phát triển đô thị của Công ty Cổ phần Đại Nam	ODT	47,18	47,18	TMD	Hiệp An	Văn bản số 3866/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh		
3	Chung cư Vạn Xuân Bình Dương của Công ty Cổ phần Tập đoàn Địa ốc Vạn Xuân	ODT	0,57	0,57	ODT, CLN	Phú Hòa	Tờ bản đồ số 68, 69	Văn bản số 5382/QĐ-UBND ngày 8/11/2018 của UBND tỉnh	
4	Khu chung cư Chánh Nghĩa Quốc Cường của Công ty Cổ phần Chánh Nghĩa Quốc Cường	ODT	0,86	0,86	ODT, CLN	Chánh Nghĩa	Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 27	Văn bản số 5923/UBND-KTN ngày 06/12/2018 của UBND tỉnh	
5	Trung tâm sát hạch lái xe của Công ty TNHH Giáo dục Tư thực Bình Dương	TMD	2,04	2,04	ODT, CLN	Phú Mỹ	Thửa đất số 1816, tờ bản đồ số 09-1	Văn bản số 3751/UBND-KTN ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh	

STT	Hạng mục	Điện tích	Hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm		Pháp lý
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	Số thửa đất, tờ bản đồ	Phường	
6	Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật Trường Cao đẳng tế Đông Nam	3,36	3,36		3,36	NTD, CHN	Thửa đất số 5721, 5722 (306), tờ bản	Văn bản số 4986/UBND-KTN ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh
7	Khu đô thị Đại Đăng của Công ty TNHH Xây dựng Đầu tư Đại Đăng	55,00		55,00	SKK	SKK	Phú Tân	Văn bản số 173/TTg-KTN ngày 28/01/2016 của Thủ Tướng Chính Phủ
8	Khu nhà ở thương mại Kim Huy của Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy	ODT 42,00		42,00	SKK	SKK	Phú Tân	Văn bản số 173/TTg-KTN ngày 28/01/2016 của Thủ Tướng Chính Phủ
9	Khu nhà ở Thương mại Hòa Phú của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công nghiệp Nam Kim	ODT 26,00		26,00	SKK	SKK	Hòa Phú	Văn bản số 173/TTg-KTN ngày 28/01/2016 của Thủ Tướng Chính Phủ
III	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân							
a	Chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị	32,5		32,5				
1	Chánh Mỹ	ODT 1,3		1,3	HNK, CLN			
2	Chánh Nghĩa	ODT 1,5		1,5	HNK, CLN			
3	Định Hòa	ODT 3,5		3,5	HNK, CLN			
4	Hiệp An	ODT 2,5		2,5	HNK, CLN			
5	Hiệp Thành	ODT 3		3	HNK, CLN			
6	Phú Cường	ODT 0,5		0,5	HNK, CLN			
7	Phú Hòa	ODT 4		4	HNK, CLN			
8	Phú Lợi	ODT 3		3	HNK, CLN			
9	Phú Mỹ	ODT 5		5	CLN			
10	Phú Thọ	ODT 3		3	HNK, CLN			
11	Tân An	ODT 3,2		3,2	HNK, CLN			
12	Tương Bình Hiệp	ODT 2		2	HNK, CLN			
b	Chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ	2		2				
1	Chánh Mỹ	TMD 0,1		0,1	ODT, CLN			
2	Chánh Nghĩa	TMD 0,2		0,2	ODT, CLN			
3	Định Hòa	TMD 0,1		0,1	ODT, CLN			
4	Hiệp An	TMD 0,1		0,1	ODT, CLN			
5	Hiệp Thành	TMD 0,2		0,2	ODT, CLN			
6	Phú Cường	TMD 0,2		0,2	ODT			
7	Phú Hòa	TMD 0,2		0,2	ODT, CLN			
8	Phú Lợi	TMD 0,2		0,2	ODT, CLN			
9	Phú Mỹ	TMD 0,1		0,1	ODT, CLN			
10	Phú Thọ	TMD 0,1		0,1	ODT, CLN			
11	Tân An	TMD 0,1		0,1	ODT, CLN			
12	Tương Bình Hiệp	TMD 0,1		0,1	ODT, CLN			
13	Hòa Phú	TMD 0,2		0,2	ODT			
14	Phú Tân	TMD 0,1		0,1	ODT			